

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển thủy sản nhanh và bền vững gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 28/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 1063-CV/TU ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hoàn chỉnh, phê duyệt Đề án phát triển thủy sản nhanh và bền vững gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2502/SNN&PTNT-CCTS ngày 26/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển thủy sản nhanh và bền vững gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và thành phố Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of several loops and a long horizontal stroke at the bottom.

Lê Đức Giang

ĐỀ ÁN

**Phát triển thủy sản nhanh và bền vững gắn với bảo vệ vững chắc
chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát huy tiềm năng, lợi thế, phát triển lĩnh vực thủy sản nhanh và bền vững, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phát triển thủy sản phải bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Tăng cường liên kết, cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thủy sản.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển thủy sản, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá mang tính lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, trọng tâm là các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, các khu nuôi trồng thủy sản tập trung, các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu.

- Phát triển thủy sản gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Ngành thủy sản của tỉnh phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, bền vững, gắn với chế biến và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phục vụ mục tiêu quốc phòng; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo chuỗi hợp lý để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; bảo vệ môi trường sinh thái và phục hồi nguồn lợi thủy

sản, từng bước nâng cao đời sống ngư dân, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho ngư dân về chủ quyền biển đảo, trách nhiệm nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, điều ước quốc tế, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn khi hoạt động trên biển, giúp ngư dân yên tâm vươn khơi bám biển; gắn phát triển thủy sản nhanh và bền vững với nhiệm vụ đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm ngành thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5%/năm trở lên.
- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 8.250 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 125 triệu USD.
- Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 198.500 tấn; trong đó: sản lượng khai thác thủy sản 134.500 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 64.000 tấn.
- Tổng số tàu thuyền khai thác vùng khơi phân đầu đạt 1.230 chiếc (tăng 58 chiếc so với năm 2021); sản lượng khai thác thủy sản vùng khơi ước đạt 88.000 tấn.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản vùng nước mặn, lợ là 5.100 ha; trong đó, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 700 ha, nuôi ngao là 1.000 ha, ao đầm là 3.400 ha. Thể tích nuôi lồng bè là 70.000 m³.
- Giảm tổn thất sản phẩm khai thác hải sản sau thu hoạch trên tàu cá xuống dưới 15%.
- Phân đầu 100% tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên tham gia các tổ, đội khai thác trên biển; củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ, đội gắn với lực lượng dân quân biển góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.
- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá đồng bộ, hiện đại, trở thành các công trình lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ mục đích quốc phòng gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm ngành thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 6%/năm trở lên.
- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 11.100 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 145 triệu USD.
- Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 215.000 tấn; trong đó: sản lượng khai thác thủy sản 145.000 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 70.000 tấn.
- Tổng số tàu thuyền khai thác vùng khơi phân đầu đạt 1.331 chiếc; sản lượng khai thác thủy sản vùng khơi ước đạt 93.000 tấn.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản mặn, lợ giữ ổn định 5.100 ha; trong đó, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 1.000 ha, nuôi ngao là 1.000 ha, ao đầm là 3.100 ha. Thể tích nuôi lồng bè tăng lên 150.000 m³.

- Giảm tổn thất sản phẩm khai thác hải sản sau thu hoạch trên tàu cá xuống dưới 10%.

- Duy trì 100% tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên tham gia các tổ, đội khai thác trên biển; tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ, đội gắn với lực lượng dân quân biển góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá đồng bộ, hiện đại, trở thành các công trình lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ mục đích quốc phòng gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

c) Tầm nhìn đến 2045

Xây dựng ngành thủy sản tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, có đóng góp lớn vào nền kinh tế của tỉnh; có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; cơ sở hạ tầng đồng bộ, lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng; các lực lượng bảo vệ chấp pháp trên biển được xây dựng chính quy, hiện đại đáp ứng yêu cầu tình hình giữ vững độc lập, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò chủ thể của ngư dân trong phát triển thủy sản và bảo vệ chủ quyền biển đảo

- Tiếp tục quán triệt, cụ thể hoá các nhiệm vụ phát triển bền vững, đảm bảo mục tiêu đã đề ra theo Kế hoạch số 125-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển thủy sản đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành.

- Phát huy vai trò và gắn với trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là người đứng đầu thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về chấp hành pháp luật thủy sản, các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định; triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án phát triển thủy sản nhanh và bền vững gắn với

bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đẩy mạnh vận động, thu hút và phát huy vai trò chủ thể của ngư dân, doanh nghiệp trong phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay, kinh nghiệm tốt; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng.

- Lực lượng Quân đội tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh một cách hiệu quả, trong đó chú trọng khâu xây dựng, tổ chức lực lượng, nắm tình hình, tiến hành các hoạt động tuần tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên biển; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên vùng biển, giúp ngư dân an tâm bám biển.

- Các lực lượng: Quân sự, Biên phòng, Công an, Kiểm ngư phối hợp với các địa phương ven biển tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục giúp người dân, ngư dân nhận thức sâu sắc hơn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển đảo; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế biển, trọng tâm là phát triển kinh tế thủy sản; đồng thời, chỉ rõ các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với biển đảo của Tổ quốc; cơ sở lịch sử, pháp lý để khẳng định chủ quyền của nước ta trên Biển Đông, cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC, COC); các quy định của Luật Biển quốc tế; các cam kết, thỏa thuận song phương và đa phương của nước ta với các nước; kịp thời thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về tình hình vi phạm của tàu cá trên biển nhằm giúp ngư dân khai thác bền vững, an toàn, đúng quy định của pháp luật, không xâm phạm vùng biển nước ngoài.

2. Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch; xây dựng và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản nhanh và bền vững; huy động đa dạng các nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá, ưu tiên các công trình lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc

2.1. Thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch

Xác định việc thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh, lập quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển thủy sản là khâu quan trọng, được thực hiện thường xuyên, làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng phát triển kinh tế thủy sản nhanh và bền vững, phải gắn kết được các nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển. Song song với việc rà soát quy hoạch, kế hoạch phải tập trung quản lý chặt chẽ, trong đó tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị trong tổ chức rà soát, lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch. Tổ chức công bố, công khai rộng rãi quy hoạch, kế hoạch đến các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và người dân biết, thực hiện hiệu quả.

2.2. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương đã ban hành hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng, phương tiện khai thác, bảo hiểm tàu cá, duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép, chi phí đào tạo, nâng cao năng lực; hỗ trợ đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chuyển đổi nghề, tăng cường sự hiện diện của ngư dân tại các vùng biển; hỗ trợ rủi ro trong sản xuất thủy sản; kiểm soát môi trường, dịch bệnh; cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá; đồng thời, thực hiện tốt các chính sách của tỉnh về đóng hầm bảo quản đối với tàu cá hoạt động vùng khơi bằng vật liệu mới, phí thuê bao thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá, ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm công nghiệp.

Đề xuất xây dựng các chính sách đặc thù riêng của tỉnh nhằm phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, như:

- Chính sách hỗ trợ của các tổ, đội khai thác trên biển; dân quân biển và các đội tàu sẵn sàng tham gia huy động bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo theo Nghị định 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010, Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015 của Chính phủ.

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá; đào tạo kiến thức quốc phòng - an ninh; đào tạo kỹ năng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đào tạo kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm; hỗ trợ đào tạo nghề cho con em ngư dân về lĩnh vực thủy sản; chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, chuyên gia phục vụ lĩnh vực quản lý trong dân sự, quốc phòng, an ninh.

- Chính sách hỗ trợ cho ngư dân bị ảnh hưởng trong thời gian cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ, phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân nhằm giảm áp lực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản đặc biệt là ở vùng biển ven bờ.

- Chính sách khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng dân cư tham gia đầu tư để hình thành, quản lý và phát triển các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản.

2.3. Huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá

- Ưu tiên nguồn kinh phí để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá tại các cảng cá, khu nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch; đẩy mạnh xã hội hóa việc nạo vét, khơi thông luồng lạch, khu neo đậu tránh trú bão. Lồng ghép các nguồn vốn trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá với bảo vệ quốc phòng - an ninh.

- Huy động từ các thành phần kinh tế: Tạo cơ chế, chính sách đồng bộ để thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp vào lĩnh vực thủy sản; xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư các lĩnh vực thủy sản; đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và khai thác các công trình cảng cá, luồng lạch, khu neo đậu tránh trú bão trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn vốn tín dụng: Tạo điều kiện các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi; chuyển hướng việc ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất thủy sản sang hỗ trợ lãi suất tín dụng.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phục hồi, bảo vệ rừng ngập mặn và thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi, các khu neo đậu tránh trú bão để phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Tổ chức, sản xuất thủy sản theo chuỗi liên kết giá trị

3.1. Khai thác thủy sản

- Tổ chức lại sản xuất trong khai thác thủy sản, tập trung các nguồn lực nâng cấp đội tàu khai thác vùng khơi gắn với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển, phát triển hình thức tổ chức sản xuất trên biển theo mô hình tổ đoàn kết trên biển, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá; các mô hình dịch vụ hậu cần nghề cá, xây dựng tổ đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với khu vực phòng thủ tuyến biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị với doanh nghiệp chế biến thủy sản làm nòng cốt, các thành phần trong chuỗi liên kết gồm tổ, đội, ngư dân trực tiếp khai thác, cơ sở thu mua tại cảng cá thành các chuỗi liên kết từ cung ứng vật tư đến khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các thành phần trong chuỗi, tạo thuận lợi trong truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác hợp pháp theo quy định.

- Nâng cấp, hoàn thiện, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá, hệ thống giám sát tàu cá, nhật ký khai thác điện tử, thông tin liên lạc trên biển nhằm theo dõi, giám sát chặt chẽ, hiệu quả hoạt động của tàu cá trên biển, truy xuất nguồn gốc, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tình huống, sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển, góp phần vào thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng an ninh trên biển đảo.

- Quản lý chặt các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá không để phát triển tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét, tàu làm các nghề, ngư cụ cấm theo quy định; sắp xếp cơ cấu nghề khai thác, lao động phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho ngư dân, đảm bảo các tàu cá khi đi hoạt động trên biển có đầy đủ thủ tục, trang thiết bị đảm bảo an toàn, giúp ngư dân yên tâm vươn khơi bám biển, góp phần bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

3.2. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản; điều tra nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để sắp xếp cơ cấu, nghề

khai thác tàu thuyền theo hướng phát triển đội tàu khai thác vùng khơi hiệu quả, bền vững; giảm dần cường lực khai thác vùng lồng và ven bờ, chuyển đổi các nghề xâm hại sang các nghề chọn lọc, thân thiện với môi trường và nguồn lợi.

- Bảo vệ các hệ sinh thái, thả rạn hình thành các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm; loài thủy sản bản địa, đặc hữu, có giá trị kinh tế; thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản. Nghiên cứu, đề xuất thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản kết hợp với phát triển du lịch nhằm bảo vệ nguồn lợi, tạo sinh kế cho người dân.

3.3. Nuôi trồng thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản, nuôi lồng tiên tiến, năng suất cao, trong đó ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực (tôm, ngao) và các loài thủy sản có giá trị kinh tế tại khu vực bãi triều, cửa sông và nuôi biển.

- Hình thành các vùng nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, áp dụng quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); thúc đẩy xây dựng các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản để tạo nguồn nguyên liệu theo nhu cầu chế biến, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm các chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng các vùng nuôi mới và nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ vùng nuôi tôm nước lợ đảm bảo tính lưỡng dụng vừa phục vụ nhu cầu phát triển, vừa có thể chuyển đổi thành hệ thống phòng thủ, tác chiến ven biển.

3.4. Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá

a) Cơ sở dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản:

- Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, cơ sở dịch vụ nghề cá, đóng mới sửa chữa tàu cá; thực hiện nạo vét định kỳ luồng lạch, đảm bảo thuận lợi cho tàu cá ra, vào cảng đáp ứng nhu cầu bốc, dỡ hàng hóa và neo đậu tránh trú bão; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, ... thực hiện các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, giải quyết tốt vấn đề truy xuất nguồn gốc tại cảng cá và đáp ứng yêu cầu lưỡng dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trên biển.

- Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển hiện đại theo hướng chuyên biệt hóa vừa làm thu mua vừa làm cung cấp nguyên vật liệu, nhiên liệu, ... nhằm giảm thời gian di chuyển, kéo dài thời gian bám biển của đội tàu đánh bắt hải sản ở vùng khơi, qua đó tăng cường sự hiện diện của ngư dân ở các vùng biển xa bờ góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Cơ sở dịch vụ hậu cần nuôi trồng thủy sản:

- *Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung:*

+ Đầu tư xây dựng các vùng nuôi mới và nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật (điện, giao thông, thủy lợi, hệ thống xử lý nước,...) cho 7 vùng nuôi tôm nước lợ, với diện tích 1.346 ha, gồm: vùng nuôi xã Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thủy, huyện Nga Sơn (285 ha); vùng nuôi xã Hoàng Yến, huyện Hoàng Hóa (270 ha); vùng nuôi xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa (225 ha); vùng nuôi xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa (105 ha); vùng nuôi xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa (225 ha); vùng nuôi trồng thủy sản xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc (64 ha); vùng nuôi xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương (172 ha).

+ Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi biển tập trung. Xây dựng và hình thành ngành công nghiệp phụ trợ để đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nuôi trồng thủy sản biển trong tỉnh bao gồm sản xuất vật liệu nổi, lồng nuôi trồng thủy sản, máy móc, tàu thuyền phụ trợ, đặc biệt là ở khu vực đảo Hòn Mê.

- *Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thủy sản:* Hình thành ít nhất 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với nòng cốt là các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp tham gia đầu tư để phát triển công nghệ cao trong ngành nuôi trồng thủy sản công nghiệp.

- *Dịch vụ cung ứng vật tư:* Khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác xã, Tổ hợp tác liên kết sản xuất trong chuỗi nuôi trồng thủy sản từ cung ứng vật tư (con giống, thức ăn, chế phẩm xử lý môi trường,...) đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn nuôi thủy sản trong tỉnh.

4. Phát triển thủy sản gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển

4.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng chấp pháp trên biển, đồng hành cùng ngư dân vươn khơi bám biển bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển

- Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chấp pháp trên biển chính quy, vững mạnh, từng bước hiện đại; là lực lượng nòng cốt, làm chủ và kiểm soát tình hình trên biển; bố trí lực lượng rộng khắp cho các địa bàn, khu vực trọng điểm về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng, củng cố lực lượng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy sản. Duy trì hoạt động hiệu quả của lực lượng, phương tiện làm nhiệm vụ theo Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010, Nghị định số 130/2015/NQĐ-CP ngày 18/12/2015 của Chính phủ về việc huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với 40 phương tiện/400 lao động (*chính thức 20 phương tiện /200 lao động, dự phòng 20 phương tiện/200 lao động*).

- Các lực lượng chấp pháp trên biển thường xuyên duy trì lực lượng, phương tiện sẵn sàng chiến đấu trên các vùng biển của tỉnh, nhất là vùng trọng điểm, vùng giáp ranh; theo dõi, nắm chắc diễn biến tình hình trên biển về an ninh trật tự, an toàn, thời tiết thiên tai, chuyển tải kịp thời cho ngư dân đang hoạt động trên biển, đồng thời có các phương án hỗ trợ, giúp đỡ ngư dân đảm bảo hoạt động nghề cá an toàn, hiệu quả, tăng cường sự hiện diện tàu cá của ngư dân trên các vùng biển, là “cột mốc sống” và “tai mắt” kịp thời trao đổi thông tin cho lực lượng chức năng các tỉnh hướng bất thường xuất hiện trên biển.

- Thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát trên biển, cửa sông, cửa lạch; quản lý chặt chẽ người và phương tiện hoạt động trên biển; duy trì nghiêm công tác giám sát nghề cá, quản lý thông tin tàu cá, trang thiết bị an toàn, trang thiết bị thông tin liên lạc theo quy định cho tàu cá hoạt động trên biển; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật và công tác đảm bảo an toàn khi hoạt động trên biển.

4.2. củng cố, phát triển tổ đoàn kết trên biển thành lực lượng huy động tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo

- Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ đoàn kết trên biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, đến năm 2025 phần đầu 100% tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên tham gia các tổ, đội khai thác trên biển, tương ứng với khoảng 1.230 tàu; tổng số ngày tàu hiện diện ở các vùng biển khơi ít nhất đạt 252.000 ngày - tàu; đến năm 2030, tiếp tục duy trì và phát triển số tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên, tương ứng với khoảng 1.331 tàu tham gia các tổ, đội khai thác trên biển; tổng số ngày hiện diện ở các vùng biển khơi ít nhất đạt 292.000 ngày - tàu.

- Nâng cao năng lực đội tàu khai thác vùng khơi nhằm đáp ứng xử lý các tình huống, sự cố trên biển; củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ, đội khai thác hải sản gắn với lực lượng dân quân biển nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần trên biển, công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá đồng thời giúp giảm thời gian di chuyển, tăng thời gian bám biển, tăng cường sự hiện diện của ngư dân trên các vùng biển góp phần bảo vệ an ninh trật tự trên biển, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

4.3. Công tác hiệp đồng, phối hợp

- Các lực lượng Quân sự, Biên phòng, Công an, Kiểm ngư phối hợp với các ngành, địa phương huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, trọng tâm là phát huy sức mạnh của ngư dân trên biển, xác định ngư dân là chủ thể trong phát triển thủy sản và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tăng cường sự hiệp đồng, phối hợp giữa ngư dân và lực lượng chức năng

thực hiện nhiệm vụ trên biển, đặc biệt là phối hợp với lực lượng Kiểm ngư, Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, kết hợp giám sát nghề cá, hỗ trợ ngư dân và các doanh nghiệp yên tâm hoạt động sản xuất trên biển.

- Thống nhất xây dựng và luyện tập các kế hoạch, phương án bảo vệ chủ quyền biển đảo, nhất là kế hoạch hiệp đồng huy động nhân lực, tàu cá tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo khi có yêu cầu theo Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010.

4.4. Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Các lực lượng Quân sự, Biên phòng, Công an, Kiểm ngư chủ động phương án bố trí tàu tuần tra, tàu công vụ, làm nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ ngư dân hoạt động trên biển bảo đảm về số lượng, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng, tiến đến trang bị đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu cơ động, phản ứng nhanh xử lý khẩn cấp các tình huống trên biển.

- Khuyến khích ngư dân đầu tư đóng mới, cải hoán tàu cá lớn, trang bị thiết bị hiện đại; nâng cấp các trang thiết bị thông tin liên lạc như thiết bị giám sát hành trình, điện thoại vệ tinh, máy nhận dạng tự động AIS, rada, đo sâu dò cá,... cho các tàu tham gia tổ, đội khai thác trên biển, đặc biệt là đội tàu khai thác vùng khơi nhằm giúp các cơ quan quản lý kịp thời nắm bắt, theo dõi các thông tin do ngư dân cung cấp liên quan đến hoạt động sản xuất, an ninh, an toàn trên biển.

4.5. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương trong tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển, bảo đảm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển vững mạnh, rộng khắp các xã, phường ven biển, sẵn sàng chiến đấu cao trong mọi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của địa phương; tổ chức giáo dục chính trị, huấn luyện, diễn tập quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ biển vững mạnh về mọi mặt, phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển các ngành nghề kinh tế biển, thực hiện nhiệm vụ tuần tra, cảnh giới, phát hiện các tàu, thuyền lạ xâm nhập trái phép lãnh hải,... Tiếp tục đầu tư mua sắm, hiện đại hóa, từng bước trang bị tàu, thuyền, phương tiện, thiết bị chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, xây dựng, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ biển.

- Tập trung kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế và phương tiện, đảm bảo mỗi xã, phường nghề cá trọng điểm có ít nhất 01 tiểu đội dân quân biển và mỗi huyện, thị xã, thành phố ven biển có 01 trung đội dân quân biển; đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh thành lập được Hải đội dân quân biển trên địa bàn thị xã Nghi Sơn sẵn sàng tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo khi có yêu cầu.

5. Tăng cường thực hiện các biện pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)

5.1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về chống khai thác IUU

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung chỉ đạo tại Công văn số 81-CV/TW ngày 20/3/2020 của Thường trực Ban Bí thư; Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 24/6/2021, Quyết định 1077/QĐ-TTg ngày 14/9/2022, Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1649-CV/TU ngày 13/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 07/2/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU; nhất là ở cấp xã/phường trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ pháp luật; đồng thời thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần, trách nhiệm để xảy ra sai phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao về chống khai thác IUU.

5.2. Quản lý khai thác và theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản

- Tập trung nguồn lực hoàn thành việc đánh dấu tàu cá và lắp đặt, duy trì thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo quy định. Rà soát, nhập dữ liệu đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá vào Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tàu cá khi rời cảng, đặc biệt các tàu có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU; kiên quyết ngăn chặn, xử lý tàu cá không đủ điều kiện theo quy định tham gia khai thác hải sản.

- Từ chối cho cập cảng và xử lý theo quy định tàu cá không khai báo trước khi cập cảng, không nộp báo cáo, nhật ký khai thác theo quy định; giám sát chặt chẽ toàn bộ sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng cá theo quy định. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để dễ dàng lưu trữ, theo dõi, truy xuất, quản lý.

5.3. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thực thi pháp luật, xử lý các hành vi khai thác IUU

- Xác minh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm khai thác IUU, nhất là tàu cá mất kết nối giám sát hành trình trên biển, tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển theo quy định. Lập danh sách, khoanh vùng đối tượng, nắm chắc địa bàn để theo dõi, quản lý chặt chẽ, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các tàu cá có biểu hiện nghi vấn khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, răn đe, giáo dục.

- Tập trung điều tra, phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân môi giới, móc nối tổ chức cho tàu cá, ngư dân Việt Nam vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.

- Tăng cường công tác phối hợp chống khai thác IUU giữa 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương: Lập danh sách tàu cá có nguy cơ cáo vi phạm các quy định IUU gửi Bộ, ngành có liên quan, lực lượng chức năng 27 tỉnh, thành phố ven biển; xây dựng Quy chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý tàu cá để kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của tàu cá trên biển nhằm chủ động phòng ngừa, quản lý các nhóm đối tượng có nguy cơ cao vi phạm IUU, đặc biệt là những tàu cá của tỉnh Thanh Hóa thường xuyên hoạt động tại vùng biển phía Nam nhiều năm không về địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; chú trọng phát triển chế biến sâu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo động lực cho ngành thủy sản phát triển nhanh và bền vững

6.1. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển thủy sản; xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; huy động sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, đặc biệt các doanh nghiệp ngoài nhà nước vào các hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo và các dịch vụ thủy sản khác. Hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư các khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thủy sản.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ khai thác tiên tiến, thân thiện với môi trường; công nghệ bảo quản sản phẩm nhằm giảm tổn thất sau khai thác, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm; các trang thiết bị thông tin liên lạc, hàng hải và khai thác nhằm từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa đội tàu khai thác.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao quy trình sản xuất giống thủy sản sạch bệnh, chất lượng; quy trình nuôi công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển các mô hình nuôi công nghiệp trên biển, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, như: công nghệ lồng NaUy đối với nuôi cá biển; công nghệ nuôi tôm Biofloc; công nghệ nuôi tôm tuần hoàn khép kín; công nghệ nuôi tôm trong nhà kính; công nghệ tự động hóa trong việc cho ăn, giám sát chất lượng môi trường và phòng trừ dịch bệnh,...

- Xây dựng và vận hành hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh tự động nhằm chủ động, hạn chế rủi ro, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển sản xuất bền vững.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến trong lĩnh vực chế biến tạo sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm an toàn có giá trị đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Nâng cấp các cơ sở chế biến bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

6.2. Chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản

a) Phát triển các cơ sở chế biến:

- Phát triển các cơ sở chế biến tiêu thụ nội địa như nước mắm, ngao, chả cá, đồ khô; đồ hộp,... gắn với các cụm công nghiệp làng nghề ở địa phương; phấn đấu đến năm 2025, bình quân mỗi xã ở 06 huyện, thị xã ven biển có 01 sản phẩm thủy sản chủ lực (tôm, ngao, sản phẩm nuôi biển và sản phẩm thủy sản khai thác xa bờ) được chứng nhận là sản phẩm OCOP (từ 3 - 4 sao) và đến năm 2030, có ít nhất 02 sản phẩm thủy sản trở lên được Trung ương công nhận là sản phẩm OCOP Quốc gia (5 sao).

- Khuyến khích và kêu gọi đầu tư phát triển một số nhà máy chế biến thủy sản tại thị xã Nghi Sơn, huyện Hậu Lộc. Phấn đấu 100% cơ sở chế biến thuộc diện phải di dời đến các khu, cụm công nghiệp, địa điểm mới theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để ổn định sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và gắn kết chặt chẽ các cơ sở chế biến với vùng sản xuất nguyên liệu, các cảng cá, bến cá,... phấn đấu đến năm 2030, đầu tư xây dựng 02 nhà máy chế biến thủy sản tại Hậu Lộc và thị xã Nghi Sơn với công suất 20.000 tấn/năm/nhà máy.

b) Phát triển thị trường:

- Hình thành các chợ đầu mối, trung tâm cung ứng nông sản xuất khẩu. Đến năm 2025 nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ đầu mối hải sản Cảng Hới (phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn) phục vụ khách du lịch và người dân nội tỉnh. Đến 2030, nghiên cứu, đề xuất phương án di dời chợ đầu mối Đông Hương tại thành phố Thanh Hóa sang huyện Hoằng Hóa.

- Xây dựng mã QR Code cho các sản phẩm chế biến xuất khẩu có chứng nhận có bao bì, nhãn hiệu hàng hóa gắn với truy xuất điện tử bằng tem truy xuất. Đến năm 2025 phấn đấu 50% các sản phẩm chế biến thủy sản nội địa được xây dựng và nhận diện thương hiệu; có 70% sản phẩm tôm tiêu thụ trong nước, 30% xuất khẩu. Đến năm 2030 phấn đấu 100% các sản phẩm chế biến thủy sản nội địa được xây dựng và nhận diện thương hiệu; có 50% sản phẩm tôm tiêu thụ trong nước, 50% xuất khẩu.

c) Phát triển giá trị các mặt hàng chế biến thủy sản:

Đẩy mạnh liên kết chế biến sản xuất theo chuỗi giá trị từ khâu khai thác, nuôi trồng, thu mua, chế biến đến tiêu thụ các sản phẩm thủy sản, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc truy nguồn gốc sản phẩm. Đến năm 2025 phấn đấu 70% các cơ sở khai thác, nuôi trồng, thu mua, chế biến thủy sản tham

gia chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn, sử dụng công nghệ thông tin để truy xuất nguồn gốc, trong đó khoảng 33.000 tấn nguyên liệu sản phẩm thủy sản phục vụ cho chế biến sâu (chiếm 15,5% tổng sản lượng thủy sản). Đến năm 2030 phần đầu 100% các cơ sở khai thác, nuôi trồng, thu mua, chế biến thủy sản tham gia chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn, sử dụng công nghệ thông tin để truy xuất nguồn gốc; trong đó khoảng 40.000 tấn nguyên liệu sản phẩm thủy sản phục vụ cho chế biến sâu (chiếm 17% tổng sản lượng thủy sản).

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thủy sản.

7.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý

- Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực thủy sản bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là thành lập và nâng cao năng lực lực lượng Kiểm ngư tỉnh; kiện toàn tổ chức, bộ máy, bổ sung nhân sự cơ quan quản lý nghề cá (Chi cục Thủy sản, Ban quản lý cảng cá, Văn phòng thanh tra, kiểm soát nghề cá); rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, bảo đảm các nguồn lực cho bộ máy quản lý thủy sản từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngang tầm nhiệm vụ, đặc biệt là tăng cường kiểm tra, kiểm soát tàu cá hoạt động trên biển và xuất, nhập cảng, kiểm soát sản lượng bốc dỡ tại cảng cá, truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ khai thác phục vụ cho công tác xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; ngăn chặn và xử lý các tàu cá hoạt động khai thác thủy sản IUU, tàu cá nước ngoài xâm phạm vùng biển.

- Nhân rộng các mô hình quản lý nhà nước có sự tham gia của cộng đồng, khuyến khích các mô hình hợp tác, liên kết trong sản xuất chế biến và tiêu thụ; giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ và người sản xuất nguyên liệu; sự phối hợp hiệu quả giữa nhà nước và các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

7.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho lao động thủy sản về kỹ thuật nghề cá, kiến thức sử dụng thiết bị thông tin liên lạc trên biển, thiết bị hàng hải; nhất là kiến thức về bảo vệ chủ quyền biển đảo; các văn bản pháp luật về biển đảo, phát triển kinh tế biển, kinh tế thủy sản,... an ninh, an toàn trên biển, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề có trình độ phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển ngành thủy sản của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành ngành thủy sản; thu hút nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực thủy sản; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, tinh nhuệ, cơ động đảm bảo phẩm chất năng lực, sức khỏe, tác chiến, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Nhân dân hoạt động sản xuất trên biển, bảo vệ chủ quyền quốc gia biển, đảo.

- Khuyến khích các trường, các cơ sở đào tạo, dạy nghề, các trung tâm huấn luyện nghiệp vụ trong và ngoài tỉnh mở lớp bồi dưỡng, đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động kỹ thuật nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá, trong đó chú trọng đến nâng cao kỹ năng đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, khả năng phối hợp thực hành, xử lý các tình huống có thể xảy ra trên biển.

III. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

(chi tiết tại Phụ lục 01: Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2022-2030)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện:	3.493,685 tỷ đồng
Trong đó:	
- Ngân sách nhà nước:	862,585 tỷ đồng
- Vốn vay WB:	859,100 tỷ đồng
- Các nguồn vốn hợp pháp khác:	1.772,000 tỷ đồng
2. Cơ cấu nguồn vốn	
2.1. Vốn của các chương trình, dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ:	2.069,185 tỷ đồng
Trong đó:	
- Ngân sách nhà nước:	108,085 tỷ đồng
- Vốn vay WB:	859,100 tỷ đồng
- Các nguồn vốn hợp pháp khác:	1.102,000 tỷ đồng
2.2. Vốn của các chương trình, dự án đề xuất mới:	1.424,500 tỷ đồng
Trong đó:	
- Ngân sách nhà nước:	754,500 tỷ đồng
- Các nguồn vốn hợp pháp khác:	670,000 tỷ đồng
3. Phân kỳ bố trí kinh phí	
3.1. Giai đoạn 2022 - 2025	694,385 tỷ đồng
Trong đó:	
- Vốn ngân sách nhà nước:	205,085 tỷ đồng
- Vốn vay WB:	334,300 tỷ đồng
- Các nguồn vốn hợp pháp khác:	155,000 tỷ đồng
3.2. Giai đoạn 2026-2030	2.799,300 tỷ đồng
Trong đó:	
- Vốn ngân sách nhà nước:	657,500 tỷ đồng
- Vốn vay WB:	524,800 tỷ đồng
- Các nguồn vốn hợp pháp khác:	1.617,000 tỷ đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 01)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển, thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án, chủ động lồng ghép với các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đề án, quy hoạch, chiến lược phát triển ngành thủy sản của trung ương và địa phương đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư, các dự án cụ thể để thực hiện Đề án; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ hằng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan cân đối, bố trí vốn đầu tư công cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi đề án có tính chất đầu tư; tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí ngân sách trung ương, bố trí chi thường xuyên ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên (đào tạo, tuyên truyền, xây dựng mô hình...) hoặc lồng ghép trong các Chương trình, chính sách của tỉnh.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nghề cá và các tổ chức liên quan khác nâng cao hiệu quả công tác thị trường xuất khẩu thủy sản, đổi mới và tăng cường xúc tiến thương mại, xử lý kịp thời các vướng mắc, rào cản thương mại ở các thị trường nhập khẩu sản phẩm.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trong các hoạt động thủy sản; phòng ngừa và giải quyết các sự cố môi trường; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và môi trường sống, góp phần ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học; tham mưu việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản theo quy định; nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong hoạt động thủy sản để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ngành thủy sản.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan rà soát tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh và bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan đến ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thủy sản, hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện Đề án.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có nhu cầu học nghề kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì xây dựng, củng cố lực lượng Dân quân biển. Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan xây dựng quy chế phối hợp hoạt động trong bảo vệ quốc phòng - an ninh trên biển gắn với phát triển kinh tế thủy sản.

9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Tuần tra, kiểm soát để bảo vệ chủ quyền, kết hợp bảo vệ ngư dân khai thác thủy sản trong vùng biển được phân công; phối hợp với quân sự, địa phương rà soát, hướng dẫn, tập huấn lực lượng ngư dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương ven biển và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và các nội dung liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển, đảo, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

- Chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương bảo đảm an ninh trật tự trên khu vực biên giới biển; điều tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật và điều ước quốc tế theo đúng chức năng, thẩm quyền của Bộ đội biên phòng; sẵn sàng tham gia tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Phối hợp tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo; tổ chức tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho Nhân dân và giám sát hoạt động nghề cá trên biển.

10. Công an tỉnh

- Chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hoạt động của các thế lực thù địch, phản động, đối tác nước ngoài lợi dụng hợp tác đầu tư, triển khai các dự án để thu thập tin tức tình báo, phá hoại kinh tế, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Tăng cường công tác nắm tình hình, tập trung phát hiện, điều tra, xử lý các tổ chức, cá nhân môi giới đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác hải sản trái phép tại các vùng biển nước ngoài.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc thẩm định, thanh tra, kiểm tra đối với việc triển khai đầu tư xây dựng các chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển liên quan đến quốc phòng - an ninh.

11. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa

Phát hiện và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về điều kiện vay vốn và thủ tục giải ngân đối với các cơ sở khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản để thực hiện Đề án; chỉ đạo các ngân hàng thương mại Nhà nước hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tiếp cận với nguồn vốn vay để phát triển.

12. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra ở mức cao nhất trong thời gian sớm nhất.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và thành phố Thanh Hóa

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thuộc địa phương quản lý; bố trí nguồn vốn địa phương cùng với nguồn vốn của tỉnh để thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Đề án này tại địa phương. Hàng năm có báo cáo tình hình thực hiện Đề án gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

14. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp

a) Hội nghề cá tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách và biện pháp hỗ trợ, khuyến khích cho các tổ chức cá nhân phát triển sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh. Vận động, giáo dục và tuyên truyền các hội viên tích cực tham gia và thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Các hội, hiệp hội, tổ chức, các nhân có liên quan (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, ...): Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, vận động tới các cá nhân, gia đình các chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, cơ sở chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, ... chấp hành nghiêm các quy định pháp luật thủy sản, tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của Đề án.

15. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chỉ đạo Sở Thông tin Truyền thông, Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và cấp ủy, chính quyền các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về chống khai thác IUU, phát triển thủy sản bền vững, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, các hoạt động khai thác hải sản trên các vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam, không xâm phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái phép.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Đề án./.

Phụ lục 01: Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2030

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
I	CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG, NHIỆM VỤ			TỔNG	2.069.185	452.385	1.616.800			
				NSNN	108.085	78.085	30.000			
				WB	859.100	334.300	524.800			
				KHÁC	1.102.000	40.000	1.062.000			
1	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Hới, phường Quảng Tiến, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Bạng, phường Hải Thanh, TX Nghi Sơn, Thanh Hóa	Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng khai thác hải sản đồng bộ, gắn với các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần, nâng cao hiệu quả khai thác hải sản, giảm tổn thất sau thu hoạch	Xây dựng cầu cảng cập tàu; các hạng mục thiết yếu của cảng cá, mái che, nhà tiếp nhận và phân loại; đường giao thông nội bộ; hệ thống hạ tầng kỹ thuật....	WB	436.140	130.800	316.300	Bộ Nông nghiệp và PTNT	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công văn số 192/TTg-QHQT ngày 17/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường thuộc xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc	Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng khai thác hải sản đồng bộ, gắn với các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần, nâng cao hiệu quả khai thác hải sản, giảm tổn thất sau thu hoạch	Xây dựng cầu cảng cập tàu; các hạng mục thiết yếu của cảng cá và khu neo đậu; đường giao thông nội bộ; hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà điều hành; nạo vét luồng tàu vào cảng cá	WB	255.000	127.500	127.500	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; các đơn vị có liên quan	Công văn số 1694/TTg-QHQT ngày 10/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 2743/UBND-THKH ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
3	Xây dựng, nâng cấp CSHT vùng NTTS xã Nga Thủy, Nga Tân, Nga Tiến, huyện Nga Sơn Nâng cấp CSHT vùng NTTS xã Hoằng Yên, Hoằng Phong, Hoằng Lưu, Hoằng Châu (Hoằng Hóa); Đa Lộc (Hậu Lộc); Quảng Trung (Quảng Xương)	Phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản nước lợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng tôm nuôi, bảo vệ môi trường sinh thái	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng thiết yếu như hệ thống cấp, thoát nước chính, hệ thống điện, đường giao thông	WB	135.000	54.000	81.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; Các đơn vị có liên quan	Công văn số 1694/TTg-QHQT ngày 10/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021, Công văn số 2743/UBND-THKH ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Thanh Hóa	Quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng ngập mặn; Tăng cường năng lực và phát triển sinh kế cộng đồng ngư dân	- Quản lý, bảo vệ và giữ vững toàn bộ diện tích rừng ngập mặn hiện có của tỉnh. - Tăng cường năng lực cho cộng đồng, người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn	WB	22.000	22.000	0	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; Các đơn vị có liên quan	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.
5	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá	Đảm bảo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền nghề cá ra vào cảng và âu để tránh trú bão an toàn; bốc xếp thủy, hải sản và tiếp cận dịch vụ	Thanh thải dải đá ngầm; nạo vét cửa vào và lòng cảng cá Lạch Bạng, luồng tàu KNĐ tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch	NSNN	70.085	70.085	0	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; các đơn vị có liên quan	Nghị quyết 380/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
	Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn	hậu cần nghề cá	Bạng							
6	Dự án nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè trên vùng biển đảo Hòn Mê	Khai thác tiềm năng và sử dụng hiệu quả mặt nước để phát triển nuôi cá lồng thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tăng quy mô sản xuất và chuyển đổi sang lồng nuôi công nghiệp, đồng bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và thân thiện với môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm chất lượng cao; giải quyết việc làm, ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân ven biển.	- Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ; - Đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng các khu nuôi cá lồng tập trung: Hệ thống phao, biển báo, đèn hiệu và bến, bãi; hệ thống trụ cột, dây neo cố định cụm lồng, bè nuôi trên biển; Đầu tư hạ tầng cơ sở cho sản xuất giống nuôi biển. - Xây dựng mô hình, xúc tiến thương mại, đào tạo nhân lực, quan trắc môi trường	NSNN	38.000	8.000	30.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; các đơn vị có liên quan	QĐ 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021; QĐ 4716/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa
				XHH	202.000	40.000	162.000			
7	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm thủy sản	Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản tại huyện Hậu Lộc, Thị xã Nghi Sơn	XHH	900.000	0	900.000	UBND huyện Hậu Lộc và TX Nghi Sơn	Các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	QĐ 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
II	CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐỀ XUẤT MỚI			TỔNG	1.424.500	242.000	1.182.500			
				NSNN	754.500	127.000	627.500			
				KHÁC	670.000	115.000	555.000			

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
1	Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thủy sản và an ninh, chủ quyền biển đảo	Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho ngư dân về pháp luật trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với an ninh, chủ quyền biển đảo	Tuyên truyền các Luật Thủy sản, Luật Quốc phòng, Luật Dân quân tự vệ biển; Điều ước quốc tế liên quan đến các hiệp định hợp tác nghề cá với các hình thức đa dạng, phù hợp đảm bảo hiệu quả, chất lượng	NSNN	4.000	1.500	2.500	SNN&PTNT/ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	UBND các huyện, TX, TP ven biển và các đơn vị có liên quan	
2	Nâng cấp cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá trên địa bàn tỉnh	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nghề cá và đảm bảo an toàn cho tàu thuyền nghề cá ra vào an toàn, bốc xếp thủy, hải sản và tiếp cận dịch vụ hậu cần nghề cá.	Đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng các cảng cá Hải Châu, Quảng Nham và khu neo đậu tránh trú bão: Lạch Hới; hạ lưu cống T3- xã Nga Tân	NSNN	500.000	100.000	400.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển và các đơn vị có liên quan	Điểm 1, khoản 2 Điều 81 Luật Thủy sản
3	Điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản và môi trường sống của các loài hải sản ở vùng ven bờ và vùng lòng biển tỉnh Thanh Hóa; điều tra nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để sắp xếp cơ cấu, nghề khai thác hải sản phù hợp với trữ lượng nguồn lợi	Đánh giá được hiện trạng nguồn lợi thủy sản; môi trường sống của các loài hải sản ở vùng nước ven bờ và vùng lòng; Đánh giá được hiện trạng nghề cá thương phẩm nhằm xác định được cơ sở khoa học cho việc cấp hạn ngạch khai thác cho phép phù hợp với vùng biển ven bờ và vùng lòng; đề xuất giải pháp quản lý, điều chỉnh sắp	- Định kỳ 5 năm điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, nguồn lợi, nguồn giống hải sản và các yếu tố môi trường cơ bản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng biển Thanh Hóa - Điều tra nghề cá thương phẩm ở vùng ven bờ và vùng lòng biển Thanh Hóa hàng năm - Đề xuất giải pháp	NSNN	23.000	7.000	16.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, TX, TP ven biển; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Điểm a khoản 4 Điều 12 Luật Thủy sản Quyết định 523/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
	hải sản.	xếp cơ cấu nghề khai thác tỉnh Thanh Hóa	bảo vệ nguồn lợi và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản.							
4	Tăng cường năng lực hoạt động cho đội tàu Kiểm ngư	Vận hành hiệu quả hoạt động Kiểm ngư tỉnh nhằm tăng cường công tác quản lý nghề cá, bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	- Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dùng để vận hành hiệu quả lực lượng Kiểm ngư - Đầu tư đóng mới Tàu Kiểm ngư và xuồng tuần tra	NSNN	43.000	2.500	40.500	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện, TX, TP ven biển và tổ chức liên quan	Điều 93, Luật Thủy sản 2017
5	Củng cố, phát triển tổ đoàn kết trên biển, dân quân biển trong khai thác hải sản gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	Xây dựng và triển khai được các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình tổ đội, dân quân biển trong khai thác hải sản gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình tổ đội, dân quân biển trong khai thác hải sản trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc - Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ các mô hình tổ đội, dân quân biển trong khai thác hải sản của tỉnh Thanh Hóa trong bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.	NSNN	30.000	10.000	20.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển/ Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành và đơn vị có liên quan	Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
6	Tăng cường và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quản lý nghề cá.	Tăng cường và đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác quản lý thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	- Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực và nhu cầu đào tạo của các cơ quan quản lý nghề cá trên địa bàn tỉnh - Đào tạo, tập huấn	NSNN	10.000	3.000	7.000	Sở Nông nghiệp & PTNT/ UBND các huyện, TX, TP ven biển	Các sở, ngành, các Trường/Viện nghiên cứu và tổ chức liên quan	Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
			nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu quản lý ngành - Tăng cường nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý nghề cá.							
7	Dự án: Hệ thống trạm quan trắc môi trường nước tự động phục vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Cung cấp số liệu quan trắc môi trường tức thời, cập nhật liên tục, phản ánh hiện trạng môi trường nước phục vụ NTTS, giúp cơ quan quản lý dự báo sớm diễn biến môi trường, có biện pháp ứng phó kịp thời nhằm hạn chế thiệt hại trong NTTS.	- Xây dựng Trung tâm điều hành tiếp nhận, xử lý số liệu (01 hệ thống). - Xây dựng trạm quan trắc nguồn nước xả thải KCN, cảng cá, nước thải dân sinh. - Xây dựng trạm quan trắc nguồn nước biển nuôi cá lồng bè. - Xây dựng trạm quan trắc nguồn nước mặt sử dụng làm nước cấp NTTS. - Xây dựng hệ thống hiển thị thông tin quan trắc môi trường.	NSNN	24.000	0	24.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, TX, TP ven biển Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
8	Chuyển đổi nghề khai thác hải sản xâm hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Chuyển đổi tàu làm nghề khai thác hải sản xâm hại lớn đến nguồn lợi, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác ít xâm hại hơn hoặc nghề khác không phải là nghề khai thác thủy sản nhằm từng bước cân bằng lại cường lực khai thác với khả năng phục hồi tái tạo lại nguồn lợi; gắn phát triển khai thác với bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	- Điều tra, đánh giá hiện trạng và nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp của cộng đồng ngư dân làm nghề khai thác hải sản - Điều tra mức độ xâm hại của các nghề khai thác đến nguồn lợi hải sản vùng biển ven bờ và vùng lòng tỉnh Thanh Hóa	NSNN	68.000	3.000	65.000	Sở Nông nghiệp & PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ
			- Xây dựng mô hình, chính sách chuyển đổi các nghề khai thác hải sản xâm hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản sang các nghề phù hợp nhằm phát triển bền vững nghề khai thác; gắn phát triển khai thác với bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	XHH	90.000	15.000	75.000			
9	Dự án xây dựng và nhân rộng các mô hình đồng quản lý trong khai thác và BVNLTS tại các xã trọng điểm nghề cá.	Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý nguồn lợi thủy sản ở vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa nhằm quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi bền vững.	- Xây dựng cơ sở, luận cứ thành lập mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi hải sản tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng thí điểm mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. - Đề xuất giải pháp	NSNN	22.500	0	22.500	Sở Nông nghiệp & PTNT/ UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Điều 10 Luật Thủy sản; Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
				XHH	10.000	0	10.000			

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
			nhân rộng mô hình tại các xã trọng điểm nghề cá tỉnh Thanh Hóa.							
10	Ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của đội tàu cá tỉnh Thanh Hóa	Cơ giới hóa, hiện đại hóa đội tàu khai thác thủy sản; Nâng cấp giá trị, giảm tổn thất sản phẩm sau thu hoạch trên tàu cá.	- Điều tra, đánh giá hiện trạng ứng dụng khoa học công nghệ trên các đội tàu khai thác hải sản - Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm cơ giới hóa, hiện đại hóa đội tàu cá, nâng cao giá trị và giảm tổn thất sản phẩm sau thu hoạch. - Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình	NSNN	20.000	0	20.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện,thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
			XHH	40.000	0	40.000				
11	Xây dựng các chuỗi giá trị cho các mặt hàng thủy sản từ khai thác, nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Hình thành được các chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực từ biển, từ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững của thị trường quốc tế và nội địa.	- Điều tra, đánh giá thực trạng chuỗi giá trị các mặt hàng thủy sản chủ lực. - Tổ chức thí điểm chuỗi khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng thủy sản chủ lực. - Đề xuất giải pháp nhân rộng và phát triển các chuỗi giá trị mặt hàng thủy sản chủ lực nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững của thị trường	NSNN	5.000	0	5.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện,thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
			XHH	20.000	0	20.000				

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn đầu tư	Phân kỳ 2022-2025	Phân kỳ 2026-2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
			quốc tế và nội địa.							
12	Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm truyền thống và thủy đặc sản địa phương.	Xây dựng được nền tảng, quảng bá thương hiệu Thanh Hóa, chỉ dẫn địa lý một số sản phẩm thủy sản truyền thống, các thủy đặc sản của tỉnh Thanh Hóa	- Đánh giá hiện trạng chỉ dẫn địa lý một số sản phẩm thủy sản truyền thống, các thủy đặc sản của tỉnh Thanh Hóa	NSNN	5.000	0	5.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Các doanh nghiệp thủy sản	Quyết định 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa
			- Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm truyền thống và thủy đặc sản địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	XHH	10.000	0	10.000			
13	Nạo vét, khơi thông luồng lạch tại các cảng cá và khu neo đậu tránh, trú bão tàu thuyền nghề cá	Đảm bảo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền nghề cá ra vào các cảng và âu tránh trú bão an toàn, bốc xếp thủy, hải sản và tiếp cận dịch vụ hậu cần nghề cá	- Nạo vét, khơi thông luồng lạch tại các cảng cá và khu neo đậu tránh, trú bão tàu thuyền nghề cá ra vào các cảng và âu tránh trú bão (Trừ cảng cá Lạch Bạng) an toàn, bốc xếp thủy, hải sản và tiếp cận dịch vụ hậu cần nghề cá	XHH	500.000	100.000	400.000	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện/thị xã/thành phố ven biển; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Khoản 3 Điều 85 Luật Thủy sản
TỔNG KINH PHÍ (I+II)				TỔNG	3.493.685	694.385	2.799.300			
				NSNN	862.585	205.085	657.500			
				WB	859.100	334.300	524.800			
				KHÁC	1.772.000	155.000	1.617.000			

Phụ lục 02: Chỉ tiêu phát triển số lượng tàu thuyền, sản lượng khai thác và lao động tham gia khai thác hải sản tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

TT	Nhóm nghề và nhóm chiều dài	ĐVT	Năm 2021	Năm 2025	Năm 2030
I	Số lượng tàu thuyền	Tàu	6.694	6.068	5.830
	<12m	Tàu	4.544	3.870	3.544
	12-<15m	Tàu	978	968	955
	≥15m	Tàu	1.172	1.230	1.331
1	<i>Nghề lưới kéo</i>	<i>Tàu</i>	<i>1.598</i>	<i>989</i>	<i>228</i>
	<12m	Tàu	1.049	656	0
	12-<15m	Tàu	329	170	128
	≥15m	Tàu	220	163	100
2	<i>Nghề lưới rê</i>	<i>Tàu</i>	<i>866</i>	<i>1.042</i>	<i>1.403</i>
	<12m	Tàu	570	670	879
	12-<15m	Tàu	142	172	267
	≥15m	Tàu	154	200	257
3	<i>Nghề lưới vây</i>	<i>Tàu</i>	<i>187</i>	<i>207</i>	<i>175</i>
	<12m	Tàu	75	75	0
	12-<15m	Tàu	18	22	25
	≥15m	Tàu	94	110	150
4	<i>Nghề câu</i>	<i>Tàu</i>	<i>401</i>	<i>588</i>	<i>873</i>
	<12m	Tàu	108	190	400
	12-<15m	Tàu	154	248	298
	≥15m	Tàu	139	150	175
5	<i>Nghề lưới chụp</i>	<i>Tàu</i>	<i>437</i>	<i>489</i>	<i>525</i>
	<12m	Tàu	14	9	0
	12-<15m	Tàu	69	95	110
	≥15m	Tàu	354	385	415
6	<i>Nghề khác</i>	<i>Tàu</i>	<i>3.044</i>	<i>2.588</i>	<i>2.456</i>
	<12m	Tàu	2.679	2.230	2.230
	12-<15m	Tàu	264	256	122
	≥15m	Tàu	101	102	104
7	<i>Dịch vụ hậu cần</i>	<i>Tàu</i>	<i>161</i>	<i>165</i>	<i>170</i>
	<12m	Tàu	49	40	35
	12-<15m	Tàu	2	5	5
	≥15m	Tàu	110	120	130
II	Sản lượng khai thác hải sản	Tấn	131.559	134.500	145.000
1	Nghề lưới kéo	Tấn	27.577	22.372	18.833

TT	Nhóm nghề và nhóm chiều dài	ĐVT	Năm 2021	Năm 2025	Năm 2030
2	Nghề lưới rê	Tấn	9.413	10.583	12.251
3	Nghề lưới vây	Tấn	6.826	7.667	8.865
4	Nghề câu	Tấn	5.627	6.296	7.245
5	Nghề lưới chụp	Tấn	45.493	52.875	66.961
6	Nghề khác	Tấn	36.622	34.707	30.845
III	Lao động khai thác hải sản	Người	25.635	24.600	22.500
1	Nghề lưới kéo	Người	5.148	3.180	730
2	Nghề lưới rê	Người	2.441	2.920	3.350
3	Nghề lưới vây	Người	1.838	2.000	1.550
4	Nghề câu	Người	2.406	3.516	5.230
5	Nghề lưới chụp	Người	3.933	4.254	3.500
6	Nghề khác	Người	9.129	7.971	7.360
7	Dịch vụ hậu cần	Người	740	759	780

Phụ lục 03: Chỉ tiêu về chế biến, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa thủy sản tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2021	Năm 2025	Năm 2030
I	GTSX ngành thủy sản (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	6.277	8.250	11.100
II	HÀNG XUẤT KHẨU				
	Sản lượng	Tấn	56.351,3	65.820,3	75.899,2
	Giá trị	Tr. USD	126,5	125	145
2.1	Sản phẩm đông lạnh				
	Sản lượng	Tấn	28.920,8	34.337,5	39.835,1
	Giá trị	Tr. USD	65	75,7	83
a	Tôm đông lạnh:	Tấn	655,2	950,6	1.258
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	7,1	9,3	10,6
b	Cá đông lạnh:	Tấn	5.231,30	6.985,70	7.665
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	23,4	27,5	30,6
c	Mực đông lạnh:	Tấn	1.524,3	1.985,2	2337,1
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	11,2	13,4	15,5
d	Thủy sản ĐL khác:	Tấn	21.510	24.416	28.575
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	23,3	25,5	26,3
2.2	Sản phẩm khô				
	Sản lượng	Tấn	27.256,0	31.226,0	35.702,8
	Giá trị	Tr. USD	59,9	70,4	85,58
a	Tôm khô:	Tấn	141,1	180,3	253,7
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	9,4	10,9	12,4
b	Cá khô:	Tấn	867,9	1.045,6	1249,7
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	6	7,3	9,18
c	Mực khô:	Tấn	326	420,1	529,4
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	29	35,1	45,4
d	Thủy sản khô khác:	Tấn	25.921	29.580	33.670
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	15,5	17,1	18,6
2.3	Sản phẩm tươi sống				
	Sản lượng	Tấn	168,2	248,5	348,2
	Giá trị	Tr. USD	1,4	2,1	2,9
a	Tôm:	Tấn	14,5	21,3	29,8

	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD			0,4
b	Cá :	Tấn	115,9	175,4	245,8
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	1,2	1,8	2,1
c	Mực:	Tấn	31,6	41,9	58,7
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD	0,2	0,3	0,4
d	Thủy sản khác:	Tấn	6,2	9,9	13,9
	- Sản lượng				
	- Giá trị	Tr. USD			
2.4	Đồ hộp				
	- Sản lượng	Tấn	6,3	8,3	13,1
	- Giá trị	Tr. USD	0,2	1,8	3,5
III	TIÊU THỤ NỘI ĐỊA				
	- Sản lượng	Tấn	29.033	35.945	45.839
	- Giá trị	Tr.đồng	4.419.355	5.356.000	7.393.250
3.1	Sản phẩm đông lạnh				
	- Sản lượng	Tấn	23.863	30.011	38.511
	- Giá trị	Tr.đồng	3.852.755	4.700.600	6.580.675
3.2	Sản phẩm Khô				
	- Sản lượng	Tấn	2.565	2.804	3.548
	- Giá trị	Tr.đồng	250.601	273.990	346.665
3.3	Sản phẩm Tươi sống				
	- Sản lượng	Tấn	757	836	1.041
	- Giá trị	Tr.đồng	79.942	88.638	110.703
3.4	Đồ hộp				
	- Sản lượng	Tấn	33	46	61
	- Giá trị	Tr.đồng	18.256	22.166	30.170
3.5	Nước mắm				
	- Sản lượng (1lít = 1kg)	Tấn	1.815	2.247	2.678
	- Giá trị	Tr.đồng	217.800	270.607	325.037

Phụ lục 04: Chỉ tiêu phát triển nuôi trồng thủy sản mặn, lợ tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021				Năm 2025				Năm 2030			
			Tôm thẻ chân trắng	Ngao	Nuôi hỗn hợp (cá, cua, tôm sú)	Nuôi ô, lồng trên biển (m ³)	Tôm thẻ chân trắng	Ngao	Nuôi hỗn hợp (cá, cua, tôm sú)	Nuôi ô, lồng trên biển (m ³)	Tôm thẻ chân trắng	Ngao	Nuôi hỗn hợp (cá, cua, tôm sú)	Nuôi ô, lồng trên biển (m ³)
I	DIỆN TÍCH/ THỂ TÍCH	ha	500	1.250	3.600	98.600	700	1.000	3.500	70.000	1.000	1.000	3.300	150.000
1	Sầm Sơn	ha	6	-	22	-	0	-	31	-	0	-	33	-
2	Quảng Xương	ha	70	65	630	7.000	55	65	584	-	80	65	571	-
3	Nga Sơn	ha	34	440	546	-	70	340	449	-	70	340	418	-
4	Hoảng Hoá	ha	120	20	1.530	-	330	60	1.380	-	480	60	1.298	-
5	Hậu Lộc	ha	110	655	400	-	120	520	389	-	150	520	352	-
6	Nghi Sơn	ha	150	70	250	91.600	120	45	374	70.000	210	45	351	150.000
7	TP.Thanh Hóa	ha	-	-	30	-	-	-	81	-	-	-	84	-
8	Nông Cống	ha	10	-	192	-	5	-	212	-	10	-	193	-
II	SẢN LƯỢNG	Tấn	8.800	15.000	900	460	10.700	13.000	1.700	1.500	16.000	13.000	2.650	4.500
1	Sầm Sơn	Tấn	86	-	5	-	-	-	85	-	-	-	105	-
2	Quảng Xương	Tấn	1.130	820	160	30	1.200	800	215	-	2.000	800	375	-
3	Nga Sơn	Tấn	630	4.500	135	-	1.000	3.800	225	-	1.500	3.800	410	-
4	Hoảng Hoá	Tấn	2.300	200	380	-	4.730	600	460	-	7.400	600	615	-
5	Hậu Lộc	Tấn	1.920	8.780	100	-	1.700	7.540	240	-	2.000	7.540	365	-
6	Nghi Sơn	Tấn	2.590	700	60	430	2.000	500	230	1.500	3.000	500	395	4.500
7	TP.Thanh Hóa	Tấn	-	-	10	-	-	-	65	-	-	-	95	-
8	Nông Cống	Tấn	144	-	50	-	70	-	180	-	100	-	290	-
III	LAO ĐỘNG	Người	16.350				13.000				9.700			